

Số: 645/XDHN-BC-BKS

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014**  
**của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PV OIL Hà Nội/Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội như sau:

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán**

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam;

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	
1	Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	4.513.275.258.595
2	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế:</b>	<b>4.025.627.648</b>
3	Thù lao TV HĐQT, BKS không chuyên trách	192.000.000
4	<b>Lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 ( 2-3)</b>	<b>3.833.627.648</b>
5	<b>Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2014</b>	
6	+ Trích quỹ đầu tư phát triển	
7	+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ( 40%)	1.533.451.059
8	+ Chia cổ tức	0
9	+ Lợi nhuận còn lại chưa chia ( 60%)	2.300.176.589
10	Lợi nhuận năm trước chưa chia	1.183.680.888

**3. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2014 (thời điểm 31/12/2014)**

Tài sản	Số tiền	Nợ + Vốn chủ SH	Số tiền
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>213.805.220.901</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>185.519.091.117</b>
1. Tiền mặt+tiền gửi NH	26.818.193.577	1. Phải trả người bán	145.264.870.605
2. Phải thu khách hàng	167.679.428.711	2. Ng mua trả trước	5.460.858.508

3. Trả trước người bán	1.327.156.320	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.562.693.615
4. Phải thu khác	997.343.937	4. Phải trả NLD	7.860.920.516
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(417.844.350)	5. Chi phí phải trả	1.098.663.527
6. Hàng tồn kho	16.631.737.142	6. Phải trả khác	1.199.414.247
7. Cphí trả trước ngắn hạn	767.533.228	7. Quỹ KT. PL	1.071.670.099
8. Thuế GTGT khấu trừ	1.672.336		
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	0		
10. Tài sản ngắn hạn khác	0		
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>238.211.004.139</b>	<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>266.497.133.923</b>
1. TSCĐ hữu hình	86.477.722.606	1. Vốn điều lệ	250.000.000.000
- Nguyên giá	112.355.403.745	2. Lãi chưa phân phối	5.209.308.536
- Hao mòn	(25.877.681.139)	3. Quỹ đầu tư PT	8.571.365.757
2. TSCĐ vô hình	36.414.074.779	4. Quỹ dự phòng TC	2.716.459.630
- Nguyên giá	39.866.240.639		
- Hao mòn	(3.452.165.860)		
3. Chi phí XDCB dở dang	18.565.160		
3. Đầu tư tài chính DH	<b>4.397.324.910</b>		
- Đầu tư dài hạn khác	7.954.128.000		
- Dự phòng giảm giá	(3.556.803.090)		
4. TSDH khác			
- Chi phí trả trước dài hạn	110.903.316.684		
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>452.016.225.040</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>452.016.225.040</b>

#### 4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ

- Số liệu kế toán rõ ràng, minh bạch phù hợp với pháp luật về kế toán;
- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo thống kê, kê khai quyết toán thuế.

#### 5. Kiến nghị

Ban Kiểm soát đồng ý với các ghi nhận của Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam đối với Báo cáo tài chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty.

Trân trọng.

#### Nơi nhận:

- ĐHCĐ, HĐQT (để b/c);
- Ban GD (để p/hợp);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

